

Bản án số: 37/2020/DS-ST
Ngày : 23 - 12 - 2020
Tranh chấp Thừa kế về tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Cẩm Vân
Bà Nguyễn Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ – Thư ký Tòa án nhân dân Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2019/TLST – DS ngày 12 tháng 9 năm 2019, về việc tranh chấp “Thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Thanh Loi L (tên gọi khác Lai Thanh L, tên tiếng việt Lai Thành L, Lai Lỗi T); địa chỉ: 918-45 St Brooklyn, New York 11219, United States of America. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Trương Thị Hồng H; địa chỉ: 19/11B khóm 1, phường 9, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh Long, theo văn bản ủy quyền ngày 18/3/2019 (có mặt).

Bị đơn: ông Lai Văn X, sinh năm 1951; địa chỉ: 55 Phạm H, phường 2, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Lai Bạch H; địa chỉ: 64A/5, ấp Long H, xã Thanh Đ, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long, theo văn bản ủy quyền ngày 17/9/2019 (có mặt).

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lai Thị S sinh năm 1952; địa chỉ: số 7 Lê Thái T, phường 2, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2. Bà Lai Bạch H sinh năm 1961; địa chỉ: 64A/5, ấp Long H, xã Thanh Đ, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

3. Bà Lai Thị Bạch T; địa chỉ: 11C khóm 3, phường 9, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện hợp pháp của bà Lai Bạch T là bà Lai Bạch H theo văn bản ủy quyền ngày 06/4/2020 (có mặt).

4. Bà Lai Bạch L; địa chỉ: 73/17B, khóm 3, phường 9, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L. Người đại diện hợp pháp của bà Lai Bạch L là bà Lai Bạch H theo văn bản ủy quyền ngày 06/4/2020 (có mặt).

5. Bà Lai Bạch P; địa chỉ: số 7 Lê Thái T, phường 2, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện hợp pháp của bà Lai Bạch P là bà Lai Bạch H theo văn bản ủy quyền ngày 06/4/2020 (có mặt).

6. Ông Lai Lỗi H; địa chỉ: số 14 Nguyễn Trung T, phường 8, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện hợp pháp của ông Lai Lỗi H là bà Lai Bạch H theo văn bản ủy quyền ngày 06/4/2020 (có mặt).

7. Ông Lai Hồng P, sinh năm 1953 chết 2014

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lai Hồng Ph gồm: bà Huỳnh Thị C (vợ ông Phong), La.Wrence (con ông P) sinh sống ở M nhưng đương sự không cung cấp được địa chỉ cụ thể (vắng mặt).

8. Ông Lai Lỗi H, sinh năm 1963; địa chỉ: New York, Hoa K, đương sự không cung cấp được địa chỉ cụ thể (vắng mặt).

9. Ông Lai Diêu T; địa chỉ: 15032 Neece St Westminister CA.92683, Hoa Kỳ. Người đại diện hợp pháp của ông Lai Diêu Trường là bà Lai Bạch H theo văn bản ủy quyền ngày 06/4/2020 (có mặt).

10. Bà Lai Bạch M; địa chỉ: 918-45 St Brooklyn, New York 11219, Hoa Kỳ. Người đại diện hợp pháp của bà Lai Bạch Mai là bà Lai Bạch H theo văn bản ủy quyền ngày 13/02/2020 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 04 năm 2019 của nguyên đơn Thanh Loi L (tên gọi khác Lai Thanh L, Lai Lỗi Thanh, Lai Thành L) và các biên bản ghi lời khai, hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng cụ Lai Diêu Q và cụ Lê Thị Secó tất cả 12 người con gồm: Lai Văn X, Lai Hồng P, Lai Thị Bạch T, Lai Bạch M, Lai Bạch H, Lai Lỗi H, Lai Lỗi H, Lai Bạch L, Lai Bạch P, Lai Diêu T và Lai Lỗi Th (nguyên đơn Thanh Loi L). Cụ Q chết năm 1987, cụ S chết năm 2012. Khi cụ S chết có để lại tài sản gồm: quyền sử dụng thửa đất thừa 875 diện tích 300m² và thửa đất 115 diện tích 545,4m² cùng tờ bản đồ số 4, tại ấp Long H, xã Lộc H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long. Ngày 18/12/2014 và 09/01/2015 ông X và một số anh chị em khác trong gia đình tự ý lập văn bản thỏa thuận phân chia cho ông X được thừa hưởng toàn bộ 02 thửa đất nêu trên mà không có sự đồng ý của ông Lai Thanh L (Lai Lỗi T). Ngày 14/8/2015 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông X, hợp 02 thửa 875 và 115 thành thửa 282 diện tích 818,9m², hiện nay trên phần đất này ông X xây 02 dãy nhà trọ cho thuê.

Do phần đất này cụ S không lập di chúc để lại cho bất kỳ ai nên ông Lai Thanh L yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, phần ông được thừa hưởng là 1/12 giá trị di sản.

Tại buổi hòa giải ngày 06/3/2015 tại UBND xã Lộc H, ông X đã hứa chia cho ông Lai Thanh L 120.000.000 đồng là giá trị kỷ phần của ông L được hưởng. Tuy nhiên sau đó ông X rút lại lời hứa, không đồng ý chia cho ông L số tiền này.

Do đó, ông Lai Thanh L khởi kiện yêu cầu hủy bỏ văn bản phân chia tài sản thừa kế lập ngày 18/12/2014 và lập ngày 09/01/2015, chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ S để lại là thửa đất số 282 diện tích 818,9m², phần thừa hưởng của ông Lai Thanh L là 1/12 thửa đất, tuy nhiên do ông Lai Thanh L là người nước ngoài không có nhu cầu nhận hiện vật nên yêu cầu được nhận giá trị bằng tiền, theo giá thị trường hiện nay 1/12 thửa đất cao hơn 120.000.000 đồng, tuy nhiên căn cứ vào biên bản hòa giải tại UBND xã Lộc H thì ông Lai Thanh L chỉ yêu cầu ông X giao cho ông 120.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của ông Lai Thanh L rút lại yêu cầu hủy bỏ văn bản phân chia tài sản thừa kế lập ngày 18/12/2014 và ngày 09/01/2015, chỉ giữ yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 282, cụ thể buộc ông X chia cho ông Lai Thanh L phần thừa hưởng của ông Lai Thanh L là 120.000.000 đồng.

* Tại các văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lai Văn X và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan gồm: Lai Thị Bạch T, Lai Lỗi H, Lai Bạch H, Lai Bạch L, Lai Bạch P, Lai Diêu Tr và Lai Bạch M trình bày:

Cụ Lê Thị S chết năm 2012 có lập di chúc để lại tài sản cho các con. Trong tờ di chúc này cụ S có ghi rất rõ tài sản của cha, mẹ để lại cho các con không có gì ngoài 04 ngôi nhà, trong đó có 01 ngôi nhà tại số 15 đường Lê Thái T, phường 2, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long chia cho Lai Lỗi T (nguyên đơn) được trọn quyền thừa hưởng. Đối với 02 thửa đất 875 và 115 cụ Sen không có đề cập trong di chúc và cũng không định đoạt chia cho ai là vì: thửa đất này của ông Lê Hồng P đưa tiền cho ông X mua dùm năm 2006, nhưng do ông P là người nước ngoài không đứng tên quyền sử dụng được nên mới nhờ mẹ là cụ S đứng tên dùm, đến năm 2014 ông P chết sau đó anh chị em trong gia đình mới thống nhất làm thủ tục cho ông X đứng tên quyền sử dụng đất nhằm mục đích khi vợ ông P là bà Huỳnh Thị C về nước thì ông X đứng ra bán đất giao tiền lại cho bà C.

Ông X, bà T, bà L, bà H, bà M, bà P, ông Tr, ông H đều xác định thửa đất 875 và 115 (nay là thửa 282) không phải là di sản của cụ S để lại mà là tài sản riêng của ông P do ông X đứng tên dùm, nên không đặt ra chia thừa kế cho các con của cụ S. Do đó, không đồng ý chia thừa kế thửa đất này theo yêu cầu của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Thanh L, buộc ông X chia cho nguyên đơn kỷ phần của nguyên đơn được hưởng là 68,2m² đất chiết thửa 282 tính ra bằng 22.519.700 đồng, công nhận cho ông X được quyền sử dụng 68,2m² đất kỷ phần của nguyên đơn, buộc

nguyên đơn chịu chi phí tố tụng và tiền án phí sơ thẩm tương ứng với giá trị kỷ phần được nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015.

Nguyên đơn hiện đang sinh sống ở nước ngoài, bị đơn có nơi cư trú thuộc tỉnh Vĩnh Long và tài sản tranh chấp cũng nằm trên địa phận tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 và điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong vụ án nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ của một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc diện thừa kế và Tòa án đã tiến hành các biện pháp thua thập, xác minh nhưng vẫn không xác định được địa chỉ của họ. Căn cứ khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, thì Tòa án vẫn thụ lý giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung.

[2.1]. Cụ Lai Diêu Q và cụ Lê Thị S có tất cả 12 người con gồm: Lai Văn X, Lai Hồng P, Lai Thị Bạch T, Lai Bạch M, Lai Bạch H, Lai Lỗi H, Lai Lỗi H, Lai Bạch L, Lai Bạch P, Lai Diêu Tr và Lai Lỗi T (nguyên đơn Thanh Loi L), không có con nuôi cũng không có con riêng. Cụ Q chết năm 1987 không để lại di chúc, cụ chết năm 2012 có lập di chúc phân chia tài sản cho các con, di chúc được công chứng ngày 03/4/2009. Thời điểm cụ S chết (năm 2012) thì cụ S có đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 thửa đất số 875 và 115, nhưng phần đất này không có đề cập trong di chúc. Đây là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, do các đương sự đều thừa nhận.

[2.2]. Về nguồn gốc thửa đất 282 mà nguyên đơn đặt ra yêu cầu chia thừa kế.

Thể hiện tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do nguyên đơn cung cấp, thì vào ngày 06/01/2006 cụ S ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 115 của ông Nguyễn Văn P và thửa 875 của bà Nguyễn Thị B, sau đó cụ S làm đơn đăng ký biến động đến ngày 06/02/2006 được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Long H chỉnh lý ghi tên hộ bà Lê Thị S đứng tên trên mặt 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 31/7/2009 UBND huyện Long H ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 115 cho hộ bà Lê Thị S

Theo Văn bản phúc đáp số 2108/UBND ngày 28/10/2020 UBND huyện Long H cho biết: trong hồ sơ chỉnh lý biến động ngoài bà Lê Thị S thì không thể hiện các thành viên trong hộ nên không xác định ai là người sử dụng đất chung với bà S. Như vậy, có căn cứ xác định quyền sử dụng đất được cấp cho một người là cụ Lê Thị S chứ không phải cấp cho hộ gia đình gồm nhiều thành viên.

Cụ S chết năm 2012, ông P chết năm 2014, ngày 09/01/2015 các con của cụ S gồm: ông X, bà S, bà T, bà H, bà L, bà P và ông H là những người đang sinh sống ở Việt Nam cùng lập văn bản thỏa thuận giao cho ông X trọn quyền thừa hưởng hai thửa đất nêu trên, đến ngày 14/8/2015 ông X được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gộp 02 thửa 875 và 115 thành thửa 282 diện tích 818,9m² cho đến nay.

[2.3] Ông Thanh Loi L cho rằng, phần đất này là di sản của cụ S chết để lại nên theo quy định phải chia thừa kế theo pháp luật cho 12 người con của cụ, trong đó kỳ phần ông được thừa hưởng là 1/12 giá trị di sản tính ra bằng 120.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Thời điểm năm 2006 cụ S đã đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 thửa đất 875 và 115, nhưng đến năm 2009 khi cụ lập di chúc phân chia tài sản cho các con, trong di chúc cụ nêu rất rõ “vật chất, của cải cha mẹ không có gì để lại cho các con ngoài các tài sản dưới đây:

1. Tài sản thứ nhất: căn nhà số 14 đường Nguyễn Trung T, phường 8, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh Long để lại quyền thừa kế chung cho 12 người con làm của hưởng hòa, thờ cúng tổ tiên, giao cho Lai Bạch T, Lai Bạch L, Lai Bạch P trực tiếp quản lý trong coi.

2. Tài sản thứ hai: căn nhà số 07 đường Lê Thái T, phường 2, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh Long để lại cho Lai Thị S và Lai Diêu T hưởng thừa kế.

3. Tài sản thứ ba: căn nhà số 53 đường Phạm H, phường 2, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh Long để lại cho Lai Lỗi H và Lai Văn X hưởng thừa kế.

4. Tài sản thứ tư: căn nhà số 15 đường Lê Thái T, phường 2, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh Long để lại cho Lai Lỗi T (tức nguyên đơn Thanh Loi L) hưởng thừa kế”.

Riêng 02 thửa đất 875 và 115 (nay là thửa 282) cụ S không có đề cập trong di chúc và cũng không nhắc đến ở bất cứ tài liệu nào khác. Ngoài ra qua xem xét hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 875 và 115, thì mặc dù cụ S là người ký tên trên hợp đồng chuyển nhượng nhưng việc giao dịch chuyển nhượng và trả tiền mua đất toàn bộ là do ông X trực tiếp trả cho vợ chồng ông P (bên chuyển nhượng), thể hiện tại biên nhận ngày 09/3/2006. Theo lời trình bày của vợ chồng ông P thì việc giao dịch mua bán đất là do ông X trực tiếp thỏa thuận và giao tiền cho vợ chồng ông, vợ chồng ông chỉ biết bán đất cho ông X nhận đủ tiền là xong, còn việc cụ S có đứng tên dùm cho ai hay không thì vợ chồng ông không biết vì không nghe nói. Điều này cho thấy, lời trình bày của ông X và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án cho rằng cụ S chỉ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dùm cho con của cụ là ông P chứ đất này không phải tài sản của cụ S, là có căn cứ chấp nhận.

Mặt khác, cụ S sinh năm 1931 đến thời điểm mua đất vào năm 2006 cụ đã 76 tuổi. Bà H trình bày thời điểm này cụ S già yếu sống nhờ các con, cụ không có số tiền

lớn để mua đất và cũng không có nhu cầu kinh doanh đất đai để kiếm lời vì toàn bộ tài sản thì cụ cũng phân chia hết cho các con chứ cụ không giữ làm gì. Xét lời trình bày này có căn cứ chấp nhận vì phù hợp với thực tế khách quan của vụ án.

Ông Thanh Loi L căn cứ vào việc cụ Sen đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xác định phần đất này là di sản của cụ S để lại, ngoài ra không chứng minh được quá trình tạo lập tài sản cũng như nguồn gốc của số tiền dùng để mua đất là của cụ S, không nêu được lý do vì sao khi cụ S lập di chúc phân chia tài sản cho con có nói rõ vợ chồng cụ chỉ có 04 căn nhà mà không đề cập đến 02 thửa đất này. Nếu cho rằng thửa đất 875 và 115 là tài sản của cụ S thì không lý do gì trong tờ di chúc cụ không đề cập đến và cũng không phân chia cho bất cứ người con nào.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bị đơn và những người có quyền nghĩa vụ liên quan cho rằng thửa đất 282 (thửa cũ 875 và 115) không phải di sản của cụ S để lại. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng thửa đất 282 (thửa cũ 875 và 115), cụ thể đòi ông X giao cho Nguyên đơn số tiền 120.000.000 đồng.

Nguyên đơn rút lại yêu cầu hủy bỏ văn bản phân chia tài sản thừa kế lập ngày 18/12/2014 và ngày 09/01/2015. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Về chi phí tố tụng: theo quy định tại Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nguyên đơn không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên phải chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản là 2.100.000 đồng.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không được chấp nhận yêu cầu chia thừa kế nên không phải chịu án phí sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long không có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 634, 674, 675 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Thanh Loi L (Lai Thanh L) tên tiếng việt Lai Thành L, Lai Lỗi T về việc yêu cầu ông Lai Văn X chia thừa kế cho nguyên đơn được thừa hưởng 1/12 giá trị quyền sử dụng thửa đất số 282 (thửa cũ 875 và 115), tờ bản đồ số 32, ấp Long H, xã Lộc H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long bằng số tiền 120.000.000 đồng.

2. Buộc nguyên đơn Thanh Loi L chịu chi phí định giá 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm ngàn đồng). Nguyên đơn đã nộp đủ.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy bỏ văn bản phân chia tài sản thừa kế lập ngày 18/12/2014 và ngày 09/01/2015.

4. Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn không phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Lai Thanh L 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm nộp ngày 20/8/2019 theo biên lai thu số 0001431.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục thi hành án DS tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự; Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Kim Chi